

ancestor (n)

/ˈænsestə(r)/

tổ tiên



anniversary (n)

/ˌænɪˈvɜːsərɪ/

ngày kỷ niệm



cuisine (n)

/kwɪˈziːn/

ẩm thực



disaster (n)

/dɪˈzɑːstə(r)/

thảm họa



complex (n)

/ˈkɒmpleks/

khu phức hợp



damage (n)

/ˈdæmɪdʒ/

thiệt hại

LIVEWORKSHEETS